

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 11 - 2018

V/v: “*Yêu cầu không công nhận
vợ chồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vi Thanh Hà**.
- *Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:*
 1. Ông Thái Quang Định.
 2. Bà Vũ Thị Xuyên.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Như Quỳnh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kiều Oanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc: “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị H**, sinh năm 1978.

Nơi ĐKKHKT: Tổ X, khu Y, phường PĐ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.
Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc A**, sinh năm 1974.

Nơi ĐKKHKT: Tổ X, khu Y, phường PĐ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.
Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng đề ngày 27 tháng 8 năm 2018, bản tự khai ngày 26 tháng 9 năm 2018, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Ngọc A chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ tháng 11 năm 1996, không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng

chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến không khí gia đình căng thẳng, nặng nề, làm cho chị thấy thất vọng và mất niềm tin vào cuộc sống. Mặc dù anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Chị H và anh Ngọc A đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc hay có trách nhiệm gì với nhau. Vì vậy, để đảm bảo cho quyền lợi của cả hai bên, chị đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Ngọc A.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Thị T.M, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1997 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2001. Con chung Nguyễn Thị T.M đã trưởng thành và phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Thu H, do từ khi ly thân đều ở với chị, nên chị muốn được nuôi con và không yêu cầu anh Ngọc A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Phùng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 26 tháng 9 năm 2018, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Ngọc A trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Ngọc A thừa nhận trình bày của chị H về điều kiện, hoàn cảnh chung sống. Anh Ngọc A và chị H chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng một thời gian dài, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, anh chị thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, xúc phạm nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Anh và chị H đã ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của ai. Hiện nay, chị H có đơn đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H. Bản thân anh thấy tình cảm không còn, anh đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H, để anh ổn định cuộc sống.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Thị T.M, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1997 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2001. Con chung Nguyễn Thị T.M đã trưởng thành và phát triển bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Thu H, do từ khi ly thân đều ở với chị H, bản thân cháu là con gái, nên anh muốn cháu Thu H ở với mẹ để mẹ tiện chăm sóc cho cháu, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 24 tháng 9 năm 2018, lập tại Ủy ban nhân dân phường PĐ, thành phố U, bà Nguyễn Diệu T - Cán bộ tư pháp phường PĐ cung cấp thông tin như sau: Qua kiểm tra sổ gốc lưu tại Ủy ban nhân dân phường PĐ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh không có tin lưu về việc đăng ký kết hôn giữa chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Ngọc A.

Tại biên bản xác minh ngày 24 tháng 9 năm 2018, lập tại Tổ X, khu Y, phường PĐ, thành phố U, bà Đỗ Thị T.T, khu trưởng khu X, phường PĐ cung cấp thông tin như sau: Chị H và anh Ngọc A là công dân cư trú tại tổ X, khu Y, phường PĐ, thành phố U. Anh chị chung sống với nhau từ năm 1996 không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân với nhau. Hiện nay, cháu Nguyễn Thu H đang ở cùng mẹ. Cả hai anh chị đều có công việc ổn định, có thu nhập để nuôi con chung. Nay chị H có yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Ngọc A, chị muốn được nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tòa án, cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2001 có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn có quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Về nội dung: Chị H và anh Ngọc A về chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận. Nay anh chị không còn muốn chung sống với nhau nữa, chị H đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Ngọc A là có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị H về nội dung trên.

Anh chị có 02 con chung trong đó cháu Nguyễn Thị T.M, sinh ngày 19/7/1997 đã trưởng thành. Còn cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 27/5/2001 hiện mong muốn ở với mẹ, chị H không yêu cầu anh Ngọc A phải cấp dưỡng nuôi con chung và hai bên đã thỏa thuận nội dung này nên cần được ghi nhận. Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là quan hệ tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, bị đơn có địa chỉ tại tổ X, khu Y, phường PĐ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Ngọc A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn.

Ủy ban nhân dân phường PĐ, thành phố U đã xác nhận chị H và anh Ngọc A không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương và chưa đăng ký kết hôn với ai. Hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận. Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35 của Quốc hội 10 ngày 9 - 6 - 2000, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03-01-2001 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp, chị H và anh Ngọc A phải đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực, tức là từ ngày 01-01-2001 đến 01-01-2003. Chị H và anh Ngọc A đã không làm thủ tục đăng ký kết hôn là trái với quy định pháp luật, vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp, Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Ngọc A.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Thị T.M, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1997 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2001. Con chung Nguyễn Thị T.M đã trưởng thành và phát triển bình thường nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Thu H, quan điểm của các đương sự cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với điều kiện kinh tế của như khả năng nuôi dạy con chung của mình, nên Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Thu H, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2001 cho chị Phùng Thị H trực tiếp nuôi kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh Ngọc A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phùng Thị H phải nộp theo quy định.

[2.5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; các Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng của chị Phùng Thị H.

2. Xử:

2.1. Không công nhận vợ chồng giữa chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Ngọc A.

2.2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Ngọc A như sau: Chị Phùng Thị H trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thu H, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2001 kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi), anh Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng con chung Nguyễn Thị T.M, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1997, đã trưởng thành nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Sau khi tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Ngọc A, anh Nguyễn Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh Ngọc A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phùng Thị H phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước (Chị Phùng Thị H được trừ án phí bằng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d theo biên lai thu 0000537 ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố U).

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Ngọc A biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Ông Bí;
- Chi cục THA dân sự TP.Ông Bí;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thanh Hà

